

H, ngày 03 tháng 5 năm 2024

Số: 53/2024/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 102/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1987.

- Chị **Lê Thị H**, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: **Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Lê Văn T** và chị **Lê Thị H** kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa** ngày 16/3/2020. Sau khi kết hôn, Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nay chị **H** và anh **T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét, việc thuận tình ly hôn của các đương sự là không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[2]. Về con chung: Anh **T** và chị **H** có một con chung là **Lê Huy T1**, sinh ngày 31/12/2020. Ly hôn, anh **T** và chị **H** thống nhất thỏa thuận giao cháu **T1** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **T** không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc thỏa thuận của anh, chị về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi

con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[3]. Về tài sản và công nợ chung: anh **T** và chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về lệ phí Tòa án: anh **T** và chị **H** thỏa thuận chị **H** chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Anh **Lê Văn T** và chị **Lê Thị H**.

- Về con chung: Anh **T** và chị **H** có một con chung là **Lê Huy T1**, sinh ngày 31/12/2020. Ly hôn, giao cháu **T1** cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **T** không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **T** có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở

- Về tài sản và công nợ chung: Anh **T** và chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị **H** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số **0003803** ngày 10/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Chị **H** đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H.H;
- UBND xã H, H. H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Bảo Yến

